TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 917/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 27-7-2022
V/v tranh chấp về ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huyền Tôn Nữ Kiều Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Lâm Thị Nga;
2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Vân;

- Thư ký phiên toà: Ông Vũ Thế Chung, Thư ký Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa:* Bà Lường Thị Lan – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 987/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2020 về "Tranh chấp về ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 444/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 514/2022/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phan Trần Xuân D, sinh năm: 1993
Địa chỉ: 689/6 (Nay là 689/8B), Tổ 12, Khóm TK 5, Phường MH, Thành phố LX, Tỉnh An Giang.

(Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông Vũ Ngọc L, sinh năm: 1992
Địa chỉ: MP30A, Tổ 12, Khu phố 1, Phường TL, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, các bên đương sự trình bày:

* Về nội dung, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 22 tháng 9 năm 2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Phan Trần Xuân D trình bày:

Bà và ông Vũ Ngọc L đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (Sau đây gọi tắt là UBND) phường MH, thành phố LX, tỉnh An Giang, Giấy chứng nhận kết hôn số 01/Q1 ngày 23/02/2016.

Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra từ tháng 01 năm 2016 do ông L không làm việc, không chăm lo cho gia đình, vợ con. Bà và ông L ly thân từ tháng 7 năm 2017 đến nay. Trong suốt khoảng thời gian từ khi ly thân đến nay, ông L không liên lạc hay hỏi thăm cũng như không hỗ trợ về kinh tế để cùng bà nuôi con. Hiện nay, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên bà xin được ly hôn với ông L.

Về con chung: Bà D xác định, bà và ông L có một con chung tên Vũ Phan Duy Ng, sinh ngày 13/01/2016. Bà D yêu cầu trực tiếp nuôi con, không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Về ý kiến, đề nghị của bị đơn:

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Vũ Ngọc L không đến Tòa án, cũng không gửi văn bản trả lời về nội dung đơn kiện mặc dù đã được Tòa án nhân dân Quận 12 tống đạt thông báo thụ lý và triệu tập đến tòa để giải quyết vụ kiện.

* Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 12 tham gia phiên tòa có ý kiến như sau :

Về thủ tục tố tụng: Thủ tục khởi kiện và thụ lý vụ án thực hiện đúng quy định của pháp luật. Tòa án thụ lý đúng thẩm quyền. Việc tống đạt các văn bản tố tụng và chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát nghiên cứu thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử tuân theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Ngoài ra còn nhận xét về việc tham gia tố tụng của các đương sự.

Về nội dung: Giữa bà Phan Trần Xuân D và ông Vũ Ngọc L đã xảy ra mâu thuẫn từ lâu, ông L đã được triệu tập hợp lệ nhưng cố tình vắng mặt thể hiện việc ông L không mong muốn hàn gắn quan hệ vợ chồng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết*:

Bà Phan Trần Xuân D nộp đơn xin ly hôn với ông Vũ Ngọc L nên đây là "Tranh chấp về ly hôn". Bị đơn có địa chỉ tại Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] *Về thủ tục tố tụng:*

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do, theo quy định tại các điểm a và b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử

vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] *Về yêu cầu của đương sự:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Trần Xuân D và ông Vũ Ngọc L tự nguyện tìm hiểu, kết hôn năm 2016, có đăng ký tại UBND phường MH, thành phố LX, tỉnh An Giang, Giấy chứng nhận kết hôn số 01/Q1 ngày 23/02/2016 là quan hệ hôn nhân hợp pháp nên bà D có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì "Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình". Tuy nhiên, qua lời khai của bà D thì giữa bà và ông L thường xuyên xảy ra mâu thuẫn về kinh tế. Ông bà đã ly thân từ tháng 7 năm 2017 đến nay. Trong thời gian ly thân, ông L không cùng bà D chăm sóc nuôi dưỡng con chung. Kết quả xác minh tại địa phương về tình trạng hôn nhân của bà D và ông L như sau: "Giữa bà D và ông L thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do cả hai không có tiếng nói chung. Cả hai đã không còn sống chung khoảng 03 năm". Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, ông L không đến tòa cũng không có văn bản phản hồi về nội dung trong đơn xin ly hôn của bà D mà Tòa án đã thông báo cho ông L. Điều này chứng tỏ ông L không có thiện chí cũng không mong muốn hàn gắn quan hệ vợ chồng.

Từ những nhận định trên, xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Phan Trần Xuân D và ông Vũ Ngọc L là gay gắt, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà D về việc xin ly hôn với ông L cũng như ý kiến phát biểu của Viện Kiểm sát là có cơ sở nên chấp nhận.

Về con chung: Qua trình bày của bà D cùng xác minh của địa phương xác định, bà D và ông L có 01 con chung tên Vũ Phan Duy Ng, sinh ngày 13/01/2016. Cháu Ng đang sống cùng bà D nên việc giao con cho bà D là có cơ sở, phù hợp với nguyện vọng của mẹ cũng như đảm bảo cho cuộc sống và sự phát triển bình thường của trẻ. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với ông L cho đến khi một hoặc hai bên có yêu cầu.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[4] *Về án phí:*

Bà Phan Trần Xuân D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, cấn trừ với tiền tạm ứng án phí đã nộp, bà D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điểm a và b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82, 83

và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Trần Xuân D được ly hôn với ông Vũ Ngọc L (Giấy chứng nhận kết hôn số 01/Q1 do UBND phường MH, thành phố LX, tỉnh An Giang cấp ngày 23/02/2016).

1.2. Về con chung: Giao con chung tên Vũ Phan Duy Ng, sinh ngày 13/01/2016 cho bà Phan Trần Xuân D trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông Vũ Ngọc L cho đến khi một hoặc hai bên có yêu cầu.

1.3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí:

Bà Phan Trần Xuân D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng. Bà D đã nộp tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2019/0105287 ngày 16 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh nên được cấn trừ. Bà D đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân Quận 12;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huyền Tôn Nữ Kiều Hạnh